

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

ĐỀ 1. THCS BÌNH AN

I. Phần trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 6; 8\}$ chọn khẳng định đúng?

- A. $2 \in A$ B. $6 \notin A$
C. $5 \in A$ D. $8 \notin A$

Câu 2: Số liền sau số 2021 là:

- A. 2020 C. 2021
B. 2022 D. 2023

Câu 3: Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

- A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$ B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$
C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$ D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$

Câu 4: Số nào là ước của 10?

- A. 3 C. 5
B. 7 D. 8

Câu 5: Số nào là bội của 9?

- A. 18 C. 26
B. 15 D. 12

Câu 6: Trong các số tự nhiên sau, số nào là số nguyên tố?

- A. 10 C. 15
B. 22 D. 23

Câu 7: Hợp số là

- A. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.
B. số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.
C. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.
D. số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

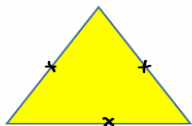
Câu 8: Phép chia nào sau đây là phép chia có dư?

- A. $25:5$ C. $210:5$
B. $108:9$ D. $193:3$

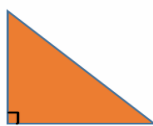
Câu 9: Tổng nào sau đây chia hết cho 7.

- A. $14 + 51$ B. $49 + 70$
C. $7 + 12$ D. $10 + 16$

Câu 10: Trong các hình sau đây, hình nào là tam giác đều?



HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

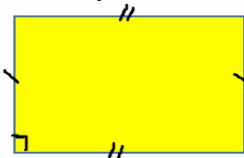
C. Hình 3.

D. Hình 4.

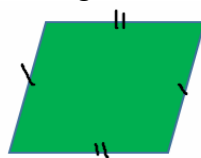
Câu 11: Trong các hình sau đây, hình nào là hình vuông?



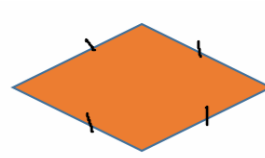
HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3

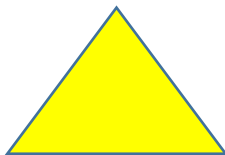


HÌNH 4

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 12. Trong các hình sau đây, hình nào là hình lục giác đều?



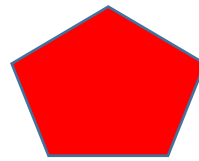
A. Hình 1.

HÌNH 1



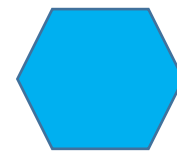
B. Hình 2.

HÌNH 2



C. Hình 3.

HÌNH 3



D. Hình 4.

HÌNH 4

II. TỰ LUẬN. (7 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

$$43 + (-100) + (-43) + 150$$

Câu 2: (0,5 điểm) Tìm:

$$ƯCLN(24; 36; 60)$$

Câu 3: (1 điểm) Số học sinh khối 6 của một trường có khoảng từ 450 đến 500 em. Mỗi lần xếp hàng 3, hàng 4, hàng 5 đều vừa đủ không thừa ai. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh?

Câu 4: (1,0 điểm) Nam mua 2 bút bi loại 3 000 đồng một cây, mua 3 quyển vở loại 6 500 đồng một quyển, mua ba quyển sách và một cây thước. Biết tiền mua 3 quyển sách bằng số tiền mua 2 quyển vở, và tổng số tiền phải trả là 42 000 đồng. Tính giá tiền của cây thước?

Câu 5: (1 điểm) Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số bánh mì mà cửa hàng bán được trong bảy ngày:

Số bánh mì bán được trong năm ngày	
Ngày	Số bánh mì bán được
Ngày thứ nhất	
Ngày thứ hai	
Ngày thứ ba	
Ngày thứ tư	
Ngày thứ năm	
Ngày thứ sáu	
Ngày thứ bảy	

 = 100 bánh ;  = 50 bánh.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Trong đó:

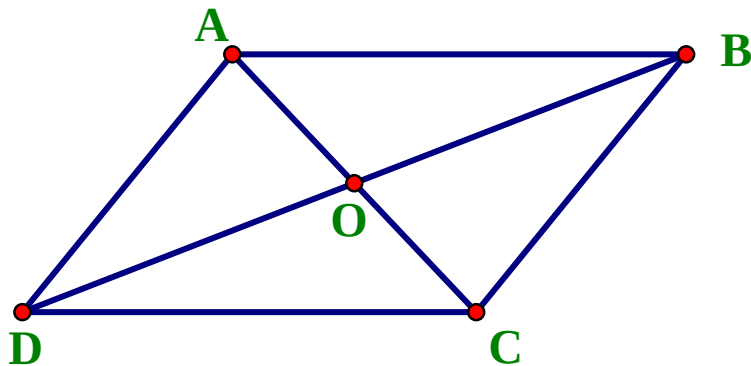
- Từ biểu đồ tranh, em hãy cho biết ngày nào bán được nhiều nhất và ngày đó bán được bao nhiêu cái bánh?
- Số bánh của hàng bán được trong cả bảy ngày là bao nhiêu?

Câu 6: Tìm x, biết:

$$2^x + 3.2^{x+1} = 14$$

Câu 7: (2 điểm) Cho hình bình hành ABCD có O là giao điểm của hai đường chéo

- Biết $AB = 7$ cm, $AD = 5$ cm, $AO = 3$ cm. Hãy tính độ dài của: AC, DC, BC.
- Biết $\angle BAC = 48^\circ$, $\angle BAD = 125^\circ$. Tính số đo góc DAC.



ĐỀ 2. THCS BÌNH ĐÔNG

Trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1. Tìm tập hợp B(4) ?

- | | |
|--------------------------|------------------------------|
| A. {1; 2; 4} | B. {1; 4; 8; 12; 16; 20;...} |
| C. {0; 4; 8; 12; 16; 20} | D. {0; 4; 8; 12; 14; 20;...} |

Câu 2. Số chia hết cho 2 thì:

- Số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6
- Số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6; 8
- Số đó có tổng các chữ số chia hết cho 2
- Số đó có chữ số tận cùng khác 0; 2; 4; 6; 8

Câu 3. Số chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9 là:

- | | | | |
|---------|---------|---------|---------|
| A. 1035 | B. 3015 | C. 3105 | D. 5130 |
|---------|---------|---------|---------|

Câu 4. Phân tích số 90 ra thừa số nguyên tố:

- | | | | |
|----------------|----------------|-------------------|-------------------|
| A. $90 = 10.9$ | B. $90 = 45.2$ | C. $90 = 2.3^2.6$ | D. $90 = 2.3^2.5$ |
|----------------|----------------|-------------------|-------------------|

Câu 5. Chọn đáp án đúng:

- | | | | |
|------------|-------------|-------------|--------------|
| A. $2 > 3$ | B. $3 < -2$ | C. $0 < -3$ | D. $-4 < -3$ |
|------------|-------------|-------------|--------------|

Câu 6. Cho $a \in BC(6,8)$, vậy số a nhận giá trị nào sau đây:

- | | | | |
|------|-------|-------|-------|
| A. 2 | B. 12 | C. 24 | D. 36 |
|------|-------|-------|-------|

Câu 7. Nhiệt độ nóng chảy của một số chất được thống kê trong bảng sau:

Chất	Nhôm	Rượu	Thủy ngân	Muối ăn

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

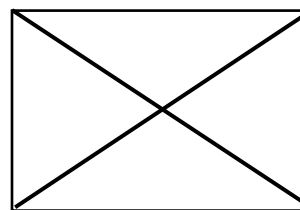
Nhiệt độ nóng chảy (°C)	660	-117	-39	801
-------------------------	-----	------	-----	-----

Nhiệt độ nóng chảy của chất nào là thấp nhất?

- A. Rượu B. Nhôm C. Thủy ngân D. Muối ăn

Câu 8. Khẳng định nào sau đây là khẳng định **sai**?

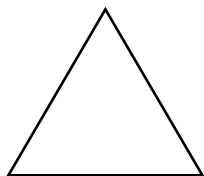
- A. Hình thoi là hình có bốn góc bằng nhau.
 B. Hình vuông có hai đường chéo vuông góc.
 C. Tam giác đều là tam giác có ba cạnh bằng nhau.
 D. Hình thang cân có hai đường chéo bằng nhau.



Câu 9. Trong hình chữ nhật:

- A. Hai đường chéo bằng nhau.
 B. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
 C. Hai đường chéo song song.
 D. Hai đường chéo song song và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường

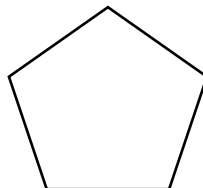
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là lục giác đều?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình bằng nhau.



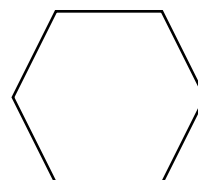
A. Hình 1.



B. Hình 2.



C. Hình 3.



D. Hình 4.

Câu 11. Dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây ghi lại số tivi (TV) bán được qua các năm của siêu thị máy tính B

Năm	Số TV bán được
2016	  
2017	   
2018	     
2019	      
2020	    

( = 100 TV;  = 50 TV)

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

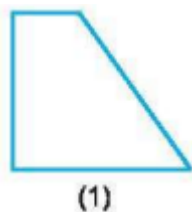
Số tivi bán được năm 2019 là:

A. 450

B. 350

C. 550

D. 700

Câu 12. Trong hình dưới đây hình nào là hình thang cân:

(1)



(2)



(3)



(4)

A. Hình (3)

B. Hình (2)

C. Hình (4)

D. Hình (1)

II. Tự luận (7 điểm)**Bài 1) (0,5 điểm)** Thực hiện phép tính: $(-52) + 19 - 163$ **Bài 2) (0,5 điểm)** Tìm BCNN (18, 24, 40)

Bài 3) (1 điểm) Để chuẩn bị khen thưởng học kỳ I, cô chủ nhiệm lớp 6A có mua 210 bút bi, 240 quyển vở. Cô muốn chia thành nhiều phần thưởng sao cho số lượng bút bi, quyển vở ở các phần thưởng là như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất là bao nhiêu phần thưởng, khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu bút bi, quyển vở?

Bài 4) (1 điểm) Anh Sơn vào siêu thị mua 2 chiếc áo phông giá 125 000 đồng/chiếc; 3 chiếc quần soóc giá 95 000 đồng/chiếc; 5 chiếc khăn mặt giá 17 000 đồng/chiếc.

a) Tính tổng số tiền anh Sơn cần phải trả khi mua các mặt hàng trên.

b) Anh Sơn đã trả bằng hai phiếu mua hàng, mỗi phiếu trị giá 100 000 đồng. Hỏi anh Sơn còn phải trả thêm bao nhiêu tiền?

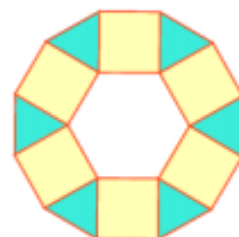
Bài 5) (1 điểm) Một cửa hàng bán quần áo muốn biết cỡ áo nào bán được nhiều nhất trong các cỡ S (Small - Nhỏ), M (Medium - Vừa), L (Large - Lớn) nên yêu cầu nhân viên bán hàng ghi lại cỡ của một mẫu áo bán ra trong 3 ngày, kết quả thu được bảng dữ liệu như sau:

M	M	S	M	S	M	L	M	M	L
S	M	M	L	M	M	S	L	M	S
M	L	S	M	S	L	M	L	L	M

Em hãy lập bảng thống kê tương ứng với bảng dữ liệu trên.

Bài 6) (1 điểm) Chứng minh $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{100}$ chia hết cho 6.

Bài 7) (1 điểm) Cho biết các đoạn thẳng trong họa tiết trang trí bên đều bằng nhau. Hãy cho biết trong hình có bao nhiêu hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều?

**Bài 8 (1 điểm)** a) Vẽ hình chữ nhật ABCD biết $AB = 3\text{cm}$, $AD = 4\text{cm}$.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

b) Hãy đo độ dài 2 đường chéo của hình chữ nhật này.

ĐỀ 3. TRƯỜNG THCS DƯƠNG BÁ TRẠC

I) PHẦN TRẮC NGHIỆM : (3đ)

Câu 1) Trong tập các số nguyên tất cả các ước của 5 là :

- A. -5 ; -1 ; 1 ; 5 . B. 1 và -1
C. 5 và -5 D. 1 và 5

Câu 2) Số đối của số 325 là :

- A. -325 B. 325
C. 0 D. 1

Câu 3) Cặp số nào sau đây là số nguyên tố:

- A. 1 ; 5 B. 5 ; 9
C. 2 ; 5 D. 7 ; 9

Câu 4) Tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn $-100 < x \leq 102$

- A. 303 B. 101
C. 203 D. 201

Câu 5) Tính tuổi thọ của nhà bác học Ác – si – mét, biết rằng ông sinh năm -287 và mất năm -212.

- A. -75 B. 75
B. 74 D. -74

Câu 6) Cho a, b, c là các số nguyên. Khẳng định nào sau đây là sai.

- A. $a + (-a) = 0$ B. $a \cdot (-b) = -ab$
C. $-ab - ac = -a \cdot (b - c)$ D. $(-b) \cdot (-1) = b$

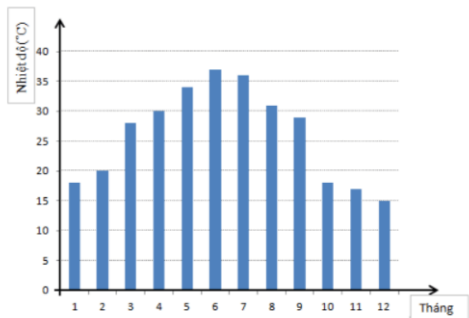
Câu 7) Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng .

- A. Nếu $UCLN(a, b) = 1$ thì $BCNN(a, b) = 1$
B. Nếu a chia hết cho b thì $BCNN(a, b) = b$
C. $BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b)$.
D. $BCNN(a, b)$ là số nhỏ nhất trong tập hợp bội chung của a và b .

Câu 8) Kết quả của phép tính: $5^5 \cdot 17 - 5^5 \cdot 12$ là :

- A. 5^7 B. 5^6
C. 5^5 D. 5^4

Câu 9) Quan sát biểu đồ nhiệt độ trung bình hàng tháng ở một địa phương trong một năm cho dưới đây và cho biết khoảng thời gian ba tháng nóng nhất trong năm là khoảng nào.



- A. Từ tháng 10 đến tháng 12 B. Từ tháng 5 đến tháng 7
C. Từ tháng 2 đến tháng 4 D. Từ tháng 7 đến tháng 9

Câu 10) Khẳng định nào sau đây là đúng .

- A. Góc nhọn là góc có số đo bằng 180°
B. Góc nhọn là góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90°

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

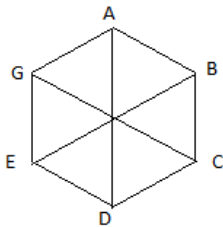
- C. Góc nhọn là góc có số đo nhỏ hơn 180°
 D. Góc nhọn là góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 180°

Câu 11) Hình gồm hai tia chung gốc Ox, Oy được gọi là:

- A. Góc xOy
 B. Góc Oxy
 C. Góc xyO
 D. Góc bẹt

Câu 12) Chọn câu sai trong các câu dưới đây:

Trong hình lục giác đều ABCDEG có :



- A. Sáu cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DE = EG = GA$.
 B. Sáu góc đỉnh A, B, C, D, E, G bằng nhau.
 C. Ba đường chéo chính là AD, BE, CG bằng nhau .
 D. Các đoạn thẳng $BG = CG$.

II PHẦN TỰ LUẬN : (7đ)

Câu 1)(1đ) Thực hiện các phép tính

- a) $(-15) \cdot 38 + 38 \cdot (-85)$
 b) $480 : [75 + (7^2 - 8.3) : 5] + 2022^0$

Câu 2) (0,5đ) Tìm bội chung nhỏ nhất của 18 và 27.

Câu 3)(1đ) Một trường THCS tổ chức cho học sinh đi tham quan bằng ô tô. Khi xếp học sinh lên các xe 35 chỗ ngồi hay 45 chỗ ngồi đều vừa đủ chỗ. Biết số học sinh của trường trong khoảng từ 500 đến 800 học sinh. Tính số học sinh đi tham quan.

Câu 4) (1đ) Con điều của An bay bao 15m (so với mặt đất). Sau một lúc độ cao của con điều tăng 2m, rồi sau đó lại giảm 3m. Hỏi con điều ở độ cao bao nhiêu (so với mặt đất) sau hai lần thay đổi?

Câu 5)(1đ) Xếp loại học lực ba tổ của lớp 6A được thống kê như sau (đơn vị: người):

Tổ	Giỏi	Khá	Trung bình
1	3	8	1
2	2	9	1
3	4	7	1

- a) Mỗi tổ có bao nhiêu bạn .
 b) Lớp trưởng thông báo rằng số bạn đạt loại khá của cả lớp nhiều hơn số bạn đạt loại giỏi và trung bình của cả lớp là 12 bạn .Lớp trưởng thông báo đúng hay sai .

Câu 6) (1đ) Trên Ox lấy hai điểm A, B sao cho $OA = 2$ cm, $OB = 6$ cm. Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính AM.

Câu 7) (1đ) Vẽ góc xOy có số đo bằng 55° . Góc xOy là góc nhọn, góc vuông hay góc tù?

Câu 8) (0,5đ) Tìm số tự nhiên x biết : $3^x + 3^{x+1} = 36$.

ĐỀ 4. TRƯỜNG THCS KHÁNH BÌNH

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Cho tập hợp M gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 7, trong các cách viết sau, cách viết nào là đúng?

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

A. $M = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

B. $M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.

C. $M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

D. $M = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.

Câu 2. Số 26 trong hệ La Mã viết là:

A. XIX

B. XXI

C. IXX

D. XXVI

Câu 3. Số 6 **không** thuộc tập hợp nào sau đây

A. $P = \{x \in N | x < 6\}$.

B. $P = \{x \in N | x \leq 6\}$.

C. $P = \{x \in N | x \leq 7\}$.

D. $P = \{x \in N | x < 7\}$.

Câu 4. Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.

D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 5. Cho các số 123; 356; 141; 855. Số chia hết cho 2 là

A. 123.

B. 356.

C. 141.

D. 855.

Câu 6. Tập hợp nào chỉ gồm các số nguyên tốA. $\{0; 5; 19\}$ B. $\{9; 11; 13\}$ C. $\{10; 15; 17\}$ D. $\{3; 17; 23\}$ **Câu 7.** Ước chung của 12 và 8 là

A. $ƯC(12, 8) = \{1; 2; 4; 6\}$.

B. $ƯC(12, 8) = \{1; 2; 4\}$

C. $ƯC(12, 8) = \{1; 2; 4; 6; 8\}$.

D. $ƯC(12, 8) = \{1; 6\}$.

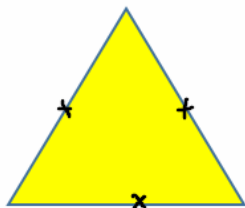
Câu 8. Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 6; 8\}$ chọn khẳng định đúng?

A. $2 \in A$

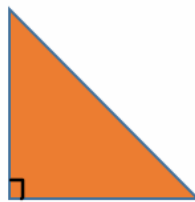
B. $6 \notin A$

C. $5 \in A$

D. $8 \notin A$

Câu 9. Trong các hình sau, hình nào là tam giác đều ?

HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



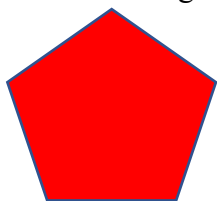
HÌNH 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

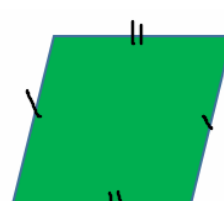
D. Hình 4.

Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình chữ nhật ?

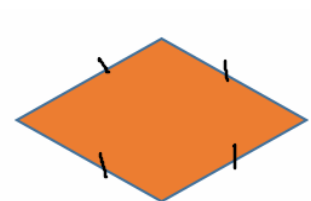
HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

A. Hình 1.

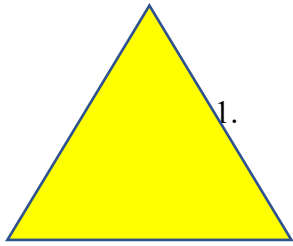
B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

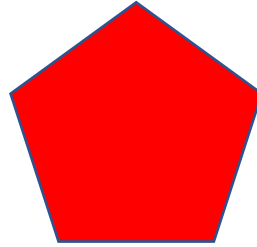
Câu 11. Trong các hình sau, hình nào là lục giác đều?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình đều bằng nhau.



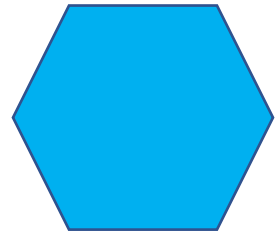
HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

Câu 12. Hình thoi là

- A. Hình có bốn cạnh bằng nhau.
- B. Hình có bốn cạnh bằng nhau và bốn góc vuông.
- C. Hình có hai đường chéo bằng nhau.
- D. Hình có bốn góc bằng nhau và bằng góc vuông.

II. Tự luận : (7,0 điểm)

Bài 1: (0,5 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $45 - 65 + 26$
- b) $(-20) + 34 + (-180) + 66$

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x biết

- a) $x \vdots 8$, $x \vdots 12$ và x nhỏ nhất
- b) $3^{x+1} + 3^x \cdot 5 = 216$

Bài 3 : (1 điểm) Nam mang theo 200 000 đồng vào nhà sách mua 5 quyển vở , 4 cái bút bi và 2 cái bút chì. Mỗi quyển vở giá 5000 đồng, giá mỗi cái bút bi là 4000 đồng, giá mỗi cái bút chì là 3000 đồng. Hỏi Nam còn bao nhiêu tiền ?

Bài 4: (1 điểm) Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số máy cày của 4 xã.

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	

Trong đó:  = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Hãy quan sát biểu đồ tranh ở trên và trả lời các câu hỏi sau đây:

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

- a) Xã nào có ít máy cày nhất?
b) Xã nào có nhiều máy cày nhất?
c) Xã B có nhiều hơn xã C bao nhiêu máy cày?
d) Tổng số máy cày của 4 xã là bao nhiêu?

Bài 5: (1 điểm)

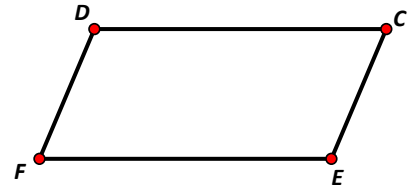
Một đội y tế có 24 bác sĩ và 108 y tá. Có thể chia đội y tế đó thành nhiều nhất bao nhiêu tổ sao cho số bác sĩ và y tá được chia đều vào các tổ?

Bài 6: (1,5 điểm).

- a) Hãy vẽ hình vuông MNPQ có cạnh $MN = 4\text{ cm}$ và kể tên các đường chéo của hình vuông đó.
b) Tính diện tích và chu vi của hình vuông trên.

Bài 7 : (0,5 điểm)

Cho hình bình hành DCEF có $DF = 4\text{ cm}$, $DC = 7\text{ cm}$. Tính độ dài các cạnh EF, CE.



ĐỀ 5. TRƯỜNG THCS LÊ LAI

I. TRẮC NGHIỆM : (3,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 8. Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

- A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.
B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.
C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$.
D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$.

Câu 2. Số 11 trong hệ La Mã viết là:

- A. IX
B. X
C. XI
D. XIX

Câu 3. Số chia hết 2, 3, 5, 9 là:

- A. 1340
B. 1450
C. 1345
D. 1350

Câu 4. Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

- A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.
B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.
C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.
D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 5. Cho các số 123; 541; 677; 440. Số chia hết cho 2 là

- A. 123.
B. 541.
C. 677
D. 440

Câu 6. Tìm tập hợp B(4) ?

- A. $\{1; 2; 4\}$
B. $\{1; 4; 8; 12; 16; 20; \dots\}$
C. $\{0; 4; 8; 12; 16; 20\}$
D. $\{0; 4; 8; 12; 14; 20; \dots\}$

Câu 7. Số nguyên tố là

- A. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

B. số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.

C. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.

D. số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

Câu 8. Số chia hết cho 2 thì

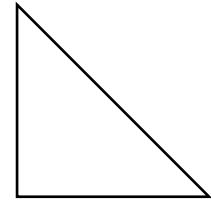
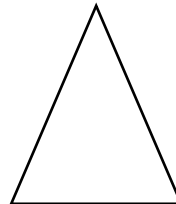
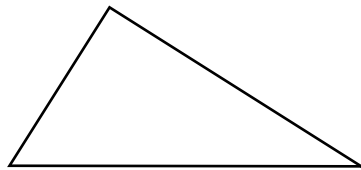
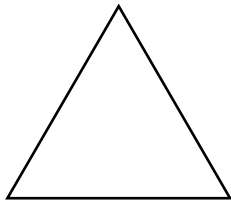
A. số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6

B. số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6; 8

C. số đó có tổng các chữ số chia hết cho 2

D. số đó có chữ số tận cùng khác 0; 2; 4; 6; 8

Câu 9. Trong các hình sau, hình nào là tam giác vuông ?



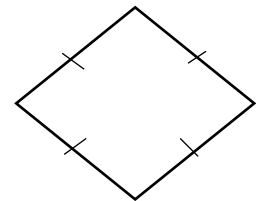
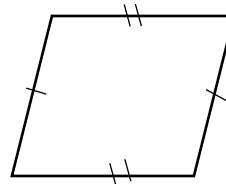
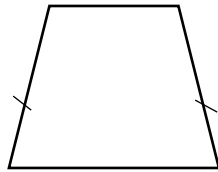
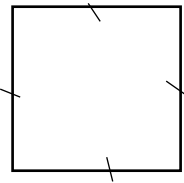
A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?



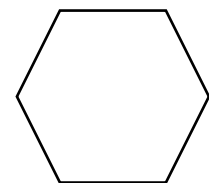
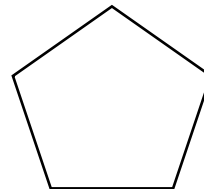
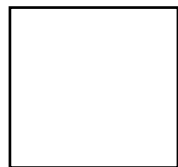
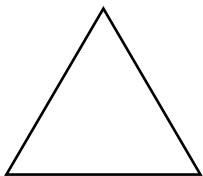
A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 11. Trong các hình sau, hình nào là lục giác đều?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình bằng nhau.



A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

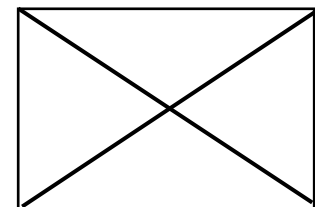
Câu 12. Trong hình chữ nhật

A. hai đường chéo bằng nhau.

B. hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

C. hai đường chéo song song.

D. hai đường chéo song song và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường



II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện các phép tính sau:

a) $198 + 232 - 98 - 32$

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

b) $-15 - (-13 + 30)$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết:

a) $x + 99 : 3 = 55$

b) $4x - 20 = 2^5 : 2^3$

Bài 3. (1,0 điểm) Cô giáo có 24 cuốn tập và 36 cây viết. Cô muốn chia đều số tập và viết cho các tổ. Hỏi cô có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần? Mỗi phần có bao nhiêu tập và viết?**Bài 4.** (1,0 điểm)

Bảng điểm kiểm tra HKI môn Toán lớp 6A như sau:

8	9	7	6	5	4	8	7	9	6
10	9	8	7	8	9	6	8	9	7
9	10	9	7	9	6	9	10	8	9

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên

b) Hãy lập bảng thống kê tương ứng và cho biết số điểm nào đạt được nhiều nhất?

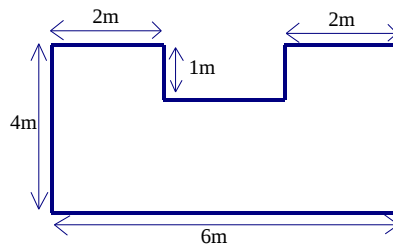
Bài 5. (1,0 điểm)

Một người đặt 2 kg thịt bò, được cửa hàng giao về tận nhà và tính tiền 560000 đồng (kể cả phí ship). Biết phí ship là 20000 đồng. Hỏi 1 kg thịt bò có giá bao nhiêu?

Bài 6. (2,0 điểm)

Một khu đất có hình dạng như hình vẽ bên.

Em hãy tính chu vi và diện tích của khu đất này

**ĐỀ 6. LÝ THÁNH TÔNG****Phần 1. Trắc nghiệm . (3,0 điểm)** Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng.

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

A. 0 B. 3,6 C. $\frac{1}{2}$ D. 0,2

Câu 2. Cho tập hợp $M = \{1;2;3;4\}$. Khẳng định nào dưới đây đúng?

A. $1 \notin M$. B. $2 \in M$.

C. $5 \in M$. D. $4 \notin M$.

Câu 3. Kết quả phép tính $5^2 \cdot 2^0$ là ?

A. 50 B. 10 C. 100 D. 25

Câu 4. Số 4 là ước của số tự nhiên nào dưới đây?

A. 2 B. 4 C. 10 D. 14

Câu 5. Điểm M là trung điểm đoạn thẳng AB khi :

A. M nằm giữa 2 điểm A và B. B. $MA = MB$.

C. M nằm giữa 2 điểm A, B và $MA = MB$. D. $MA = AB$.

Câu 6. Chọn câu sai.

A. Số đối của số 2 là -2 . B. Số đối của -5 là 5.

C. Số đối của 0 là 0. D. Số đối của 4 là 4.

Câu 7. Góc có số đo lớn hơn 90° và nhỏ hơn 180° là góc:

A. vuông . B. nhọn . C. bẹt . D. tù .

Câu 8. Cho tam giác đều ABC với $AC = 6$ cm. Độ dài cạnh AB là :

A. 6 cm. B. 3 cm. C. 12 cm. D. 18 cm.

Câu 9. Trong các số 3;5;7;9 thì số nào hợp số?

A. 3 B. 9 C. 5 D. 7

Câu 10.

Thời gian chạy 100m của các sinh viên trong 1 lớp được ghi lại trong bảng sau:

Số sinh viên	4	3	4	4	2	3	7	6	2	5
Thời gian chạy (Giây)	16	18	17	14	15	19	20	21	13	22

Số sinh viên chạy 100m trong 20 giây là:

A. 3. B. 4. C. 5. D. 7

Câu 11. Hai đường chéo của hình bình hành thì:

A. Vuông góc với nhau..

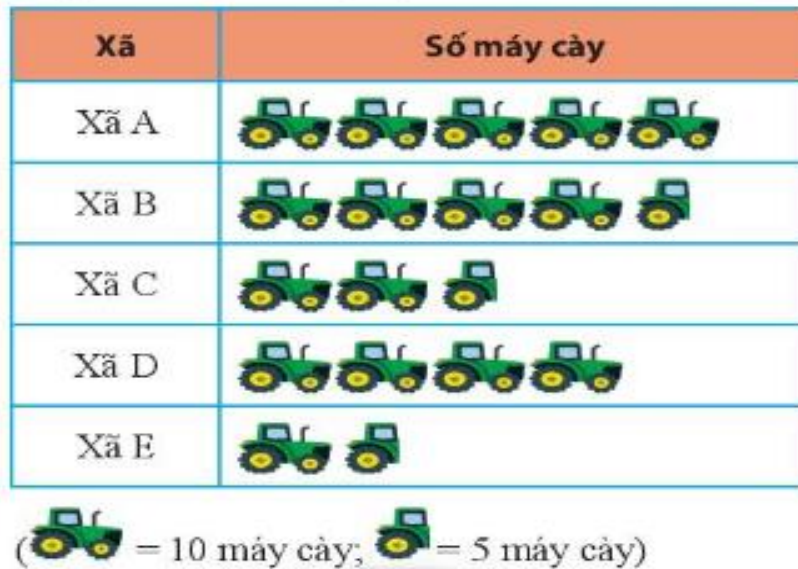
B. Song song nhau.

C. Bằng nhau.

D. Cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Câu 12. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số máy cày của 5 xã:



Chọn câu sai

- A. Xã E ít hơn xã C 5 máy cày.
- B. Xã C và xã E có tổng cộng 40 máy cày.
- C. Xã B có nhiều máy cày hơn xã D.
- D. Xã A có 50 máy cày.

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính

- a) $2^3.45 + 2^3.50 + 2^3.5$
- b) $3.10^2 - [2.3^2 - (60 - 58)^2 + 25^0]$

Câu 2. (1,0 điểm) Tìm BCNN(36, 60, 48)

Câu 3. (1,0 điểm) Mẹ An mua trái cây hết tổng cộng 520 000 đồng bao gồm 3kg xoài, 2kg táo và 4kg nhãn. Biết xoài giá 100 000 đồng/1kg, táo giá 50 000 đồng/1kg. Hỏi nhãn giá bao nhiêu tiền 1kg ?

Câu 4. (1,0 điểm) Số học sinh khối 6 của trường khoảng 500 đến 550 học sinh. Biết rằng khi xếp 10 hàng, 15 hàng, 18 hàng đều vừa đủ. Tìm số học sinh khối 6 của trường.

Câu 5. (1,0 điểm) Tìm x, biết: $5^x - 5^2 = 10^2$

Câu 6. (2,0 điểm) Cho hình chữ nhật ABCD có AB = 6cm, AD = 4cm

- a) Gọi tên các điểm và các đoạn thẳng của hình chữ nhật ABCD.
- b) Trên cạnh AB lấy điểm M là trung điểm đoạn thẳng AB. Tính độ dài đoạn thẳng AM.
- c) Vẽ tia Mx cắt cạnh AD tại N tạo thành $\widehat{AMN} = 100^\circ$.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023
ĐỀ 7. TRƯỜNG NGUYỄN THỊ ĐỊNH

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A. $6 \in U(20)$. B. $8 \in U(20)$. C. $10 \in U(20)$. D. $12 \in U(20)$.

Câu 2: Lớp 6A, 6B, 6C, 6D lần lượt có 35, 36, 37, 38 học sinh. Lớp nào có thể chia tất cả các bạn thành các đôi bạn học tập?

- A. 6A và 6B B. 6B và 6C. C. 6C và 6D. D. 6B và 6D.

Câu 3: Tập hợp nào chỉ gồm các số nguyên tố?

- A. $\{2;3;4\}$. B. $\{3;5;7\}$ C. $\{5;7;9\}$. D. $\{9;11;13\}$.

Câu 4: Cho tập hợp M các số tự nhiên nhỏ hơn 50 là bội chung của 6 và 8. Khi đó, tập hợp M được viết là:

- A. $M = \{0;6;8\}$. B. $M = \{0;24;48\}$. C. $M = \{0;12;24\}$. D. $M = \{0;24;48;72\}$.

Câu 5: Ước chung lớn nhất của 36 và 45 là:

- A. 1. B. 3. C. 9. D. 12

Câu 6: Bội chung nhỏ nhất của các số 3, 7 và 8 là:

- A. 21. B. 56. C. 160 D. 168

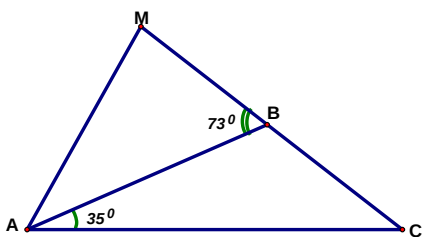
Câu 7: Cho hình vẽ:



Độ dài đoạn thẳng AB bằng bao nhiêu?

- A. 9 mm. B. 9 cm. C. 9 m. D. 9 km.

Câu 8: Cho hình vẽ:

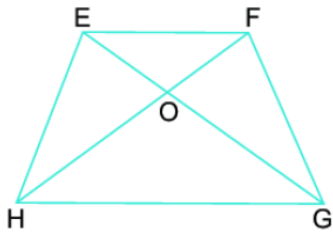


Quan sát hình vẽ, góc có số đo 35° là góc nào sau đây?

- A. BAC B. MAB C. ABC D. MBA

Câu 9: Cho hình thang cân $EFGH$ như hình vẽ:

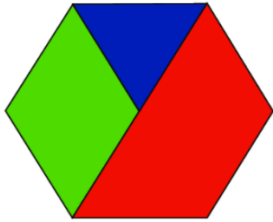
ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023



Đoạn thẳng EG bằng đoạn thẳng nào sau đây?

- A. HG. B. FG. C. HF. D. EH.

Câu 10: Cho hình vẽ:



Hình trên gồm các hình nào sau đây?

- A. Hình thang cân, hình lục giác đều.
B. Hình bình hành, hình tam giác đều.
C. Hình thang cân, hình bình hành, hình tam giác đều, hình lục giác đều.
D. Hình thang cân, hình tam giác đều.

Câu 11: Cho bảng số liệu về số học sinh vắng trong ngày của các lớp của trường A như sau:

6A1	6A2	7A1	7A2	8A1	8A2	9A1	9A2
1	2	3	0	K	1	100	0

Tại các lớp nào thì số liệu không hợp lí?

- A. 6A1, 8A2. B. 7A2, 9A2. C. 6A2, 7A1. D. 8A1, 9A1.

Câu 12: Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6.

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	★★★★
Chuối	★★★★★
Dứa hấu	★★★★★★
Cam	★★★★★
Bưởi	★★★★★

(★ = 10 học sinh; ★ = 5 học sinh)

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Có bao nhiêu bạn học sinh thích quả táo?

A. 15.

B. 20.

C. 25.

D. 30.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $(-12) + (-18) + 100$

b) $6^2 : 4.3 + 2.5^2 - 3^{17} : 3^{15}$

c) $2^4.5 - \left[130 - (12 - 2^2)^2 \right]$

Bài 2: (1,0 điểm) Hai bạn An và Bình cùng học một trường nhưng ở hai lớp khác nhau. An cứ 10 ngày lại trực nhật, Bình cứ 12 ngày lại trực nhật. Lần đầu cả hai bạn cùng trực nhật vào cùng một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì hai bạn lại cùng trực nhật?

Bài 3: (1,0 điểm) Một lớp có không quá 42 học sinh. Nếu xếp hàng 4 hoặc hàng 6 thì vừa đủ. Nếu xếp hàng 5 thì thừa 1 em. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh?

Bài 4: (1,0 điểm) Chứng tỏ $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{99} + 2^{100}$ chia hết cho 5.

Bài 5: (1,0 điểm) Quan sát các hình bên dưới rồi cho biết hình nào là hình vuông, hình nào là hình thoi, hình nào là lục giác đều và hình nào là tam giác đều?



a)



b)



c)



d)

Bài 6: (1,0 điểm) Các loại quả yêu thích của học sinh lớp 6A được ghi ở bảng dưới:

Loại quả	Cam	Nho	Xoài	Chuối
Số bạn thích	9	7	8	11

a) Có bao nhiêu bạn đã tham gia trả lời?

b) Vẽ biểu đồ cột biểu thị số lượng các bạn lớp 6A ưa thích mỗi loại quả.

ĐỀ 8. THCS PHAN ĐĂNG LƯU

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (2.5Đ)

Câu 1. BCNN(9,10,11) là

A. 90.

B. 99.

C. 110.

D. 990.

Câu 2. Tìm tập hợp các bội chung của 15 và 25 mà nhỏ hơn 400.

A. $\{0; 75; 150; 225; 300; 375\}$.

B. $\{0; 75; 150; 225; 300\}$.

C. $\{75; 150; 225; 300; 375\}$.

D. $\{0; 75; 225; 300; 375\}$.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Câu 3. Tìm các bội chung có ba chữ số của 63; 35 và 105.

- A. 315; 630; 945. B. 630; 945; 1260. C. 630; 945. D. 315; 630.

Câu 4. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố: 2, 4, 13, 19, 25, 31

- A. 2, 4, 13, 19, 3. B. 4, 13, 19, 25, 31.
C. 2, 13, 19, 31. D. 2, 4, 13, 19.

Câu 5. Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Số 2 là số nguyên tố bé nhất.
B. Mọi số nguyên tố đều là số lẻ.
C. Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn 2 ước.
D. Có 2 số tự nhiên liên tiếp là số nguyên tố.

Câu 6. Ba số tự nhiên lẻ liên tiếp đều là số nguyên tố là?

- A. 1, 3, 5. B. 3, 5, 7. C. 5, 7, 9. D. 7, 9, 11.

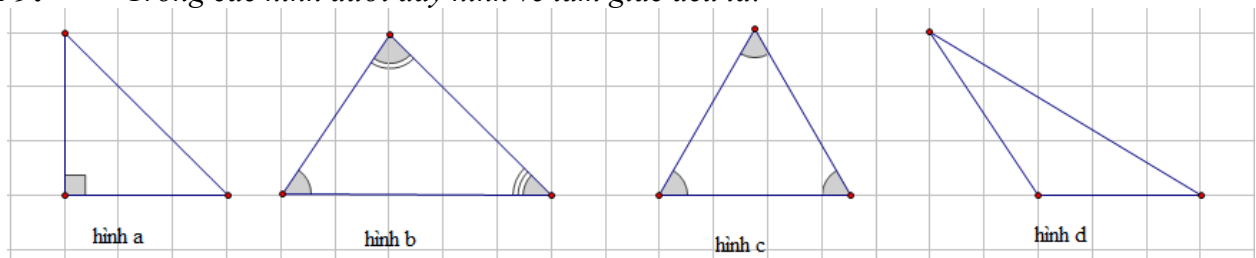
Câu 7. Chọn phân tích thành thừa số nguyên tố đúng

- A. $98 = 2.49$. B. $145 = 5.29$. C. $81 = 9.9$. D. $100 = 2.5.10$.

Câu 8. Cho tam giác đều ABC . Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. $AB > AC > BC$.
B. $AB < AC < BC$.
C. $AB = AC = BC$.
D. $AB = AC < BC$.

Câu 9. Trong các hình dưới đây hình vẽ tam giác đều là:



- A. Hình a.
B. Hình b.
C. Hình c.
D. Hình d.

Câu 10. Hãy khoanh tròn vào phương án đúng nhất trong các phương án sau:

- A. Hình vuông là tứ giác có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.
B. Hình vuông là tứ giác có bốn góc bằng nhau.
C. Hình vuông là tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.
D. Hình vuông là tứ giác có hai cạnh kề bằng nhau.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Câu 11. Khẳng định nào sau đây là đúng? Trong hình lục giác đều:

- A. Các góc bằng nhau và bằng 90° .
- B. Đường chéo chính bằng đường chéo phụ.
- C. Các góc bằng nhau và bằng 60° .
- D. Các đường chéo chính bằng nhau.

Câu 12. Một hình vuông có diện tích bằng 64 cm^2 . Chu vi của hình vuông đó là:

- A. 64 cm .
- B. 32 cm .
- C. 64 cm^2 .
- D. 32 cm^2 .

Câu 13. Cho $ABCDEF$ là hình lục giác đều. Tổng số đo các góc trong của lục giác $ABCDEF$ là:

- A. 360° B. 480° C. 600° D. 720°

Phần 2: Tự luận (7,5Đ)

Bài 1 : Tính; (1đ)

- a) $2^3 - 5^3 : 5^2 + 12 \cdot 2^2$
- b) $100 + (+430) + 2145 + (-530)$

Bài 2. Tìm ƯCLN, BCNN: (1đ)

- a) ƯCLN của 18; 30
- b) BCNN của 15; 18

Bài 3: Học sinh lớp 6A được nhận phần thưởng của nhà trường và mỗi em được nhận phần thưởng như nhau. Cô hiệu trưởng đã chia hết 129 quyển vở và 215 bút chì màu. Hỏi số học sinh lớp 6A là bao nhiêu? (1đ)

Bài 4: Một xí nghiệp may gia công có chế độ thưởng phạt như sau:

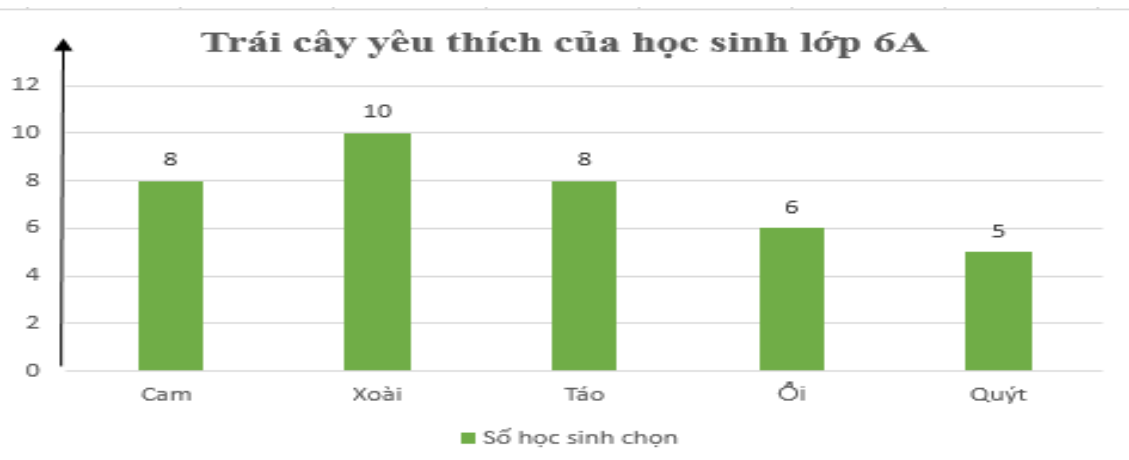
Một sản phẩm tốt được thưởng 50 ngàn

Một sản phẩm có lỗi bị phạt 40 ngàn

Chị Mai làm được 20 sản phẩm tốt và 4 sản phẩm bị lỗi. Hỏi chị Mai nhận được bao nhiêu tiền? (1đ)

Bài 5: Biểu đồ cột dưới đây cho biết thông tin về các loại trái cây yêu thích của các bạn học sinh lớp 6A.

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023



Em hãy cho biết:

- Có bao nhiêu bạn thích ăn Cam?
- Có bao nhiêu bạn thích ăn Ổi?
- Loại trái cây nào đa số được các bạn chọn?

Bài 6: Tính giá trị của biểu thức: $A = ax - ay + bx - by$ biết $a + b = -7$, $x - y = -1$ (0.5đ)

Bài 7: Một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng 5 m, chiều dài 12 m. (2đ)

- Tính chu vi và diện tích nền nhà.
- Nếu lát nền nhà bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50 cm thì cần bao nhiêu viên gạch? (Không tính các mạch nối giữa các viên gạch)

ĐỀ 9. THCS PHÚ LỢI

PHẦN TRẮC NGHIỆM (8.0 điểm)

Câu 1: (0.25 điểm) Kết quả của phép tính $(-11) + (-9)$ là:

- A. 20 B. -20 C. 2 D. -2

Câu 2: (0.25 điểm) Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 51 B. 71 C. 81 D. 91

Câu 3: (0.25 điểm) Đoạn thẳng $AB = 5$ cm. Điểm M nằm giữa A và B sao cho $AM = 3$ cm. Đoạn MB = ? cm

- A. MB = 3 cm C. MB = 2 cm
B. MB = 5cm D. $AM = MB = 5 : 2 = 2,5$ cm

Câu 4: (0.25 điểm) Điều tra về các môn thể thao được ưa thích của lớp 6A. Bạn Nam đã thu thập được các thông tin sau:

Môn thể thao	Kiểm đếm	Số bạn ưa thích
--------------	----------	-----------------

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Bóng đá		12
Cầu lông		6
Đá cầu		10
Bóng rổ		3

Lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

- A. 12 B. 31 C. 10 D. 3

Câu 5: (0.25 điểm) Có bao nhiêu điểm không hợp lí trong cột “địa chỉ” của bảng dữ liệu sau:

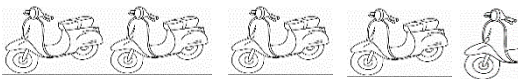
STT	Họ và tên	Địa chỉ
1	Nguyễn Phương Anh	758 Phạm Thế Hiển P7 Q8
2	Nguyễn Minh Đạt	Google.com
3	Hồ Quang Khải	80 Lê Lợi P. Bến Nghé Q1
4	Phạm Thanh Thu	15 Nguyễn Oanh P. Tx Q12
5	Lê Minh Châu	0 Nguyễn Văn B
6	Đặng Văn Bình	0903289155

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 3

Câu 6 : (0.25 điểm) $200 : x$; $118 : x$; $86 : x$

- A. x là bội chung của 200 ; 118 và 86. C. x là BCNN của 200; 118 và 86.
B. x là ước chung của 200; 118 và 86. D. x là UCLN của 200; 118 và 86.

Câu 7: Dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây ghi lại số xe máy bán được qua các năm của các Head Honda trên địa bàn Tp Hồ Chí Minh như sau

Năm	Số xe bán được
2018	
2019	
2020	
2021	

- C.  1000 chiếc  500 chiếc

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Số xe bán được năm 2019 là:

- A. 3000 B. 3 500 C. 4000 D. 4500

Câu 8: (0.25 điểm) Nếu X là số nguyên tố lớn nhất có một chữ số, Y là số nguyên âm lớn nhất thì $x + y + 2$ là

- A. 10. B. 9. C. 8. D. 7.

Câu 9: (0.25 điểm) UCLN(12; 36) bằng

- A. 15 B. 30 C. 6 D. 12

Câu 10: (0.25 điểm) Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có tâm đối xứng?



110a – Cấm xe đạp



102 – Cấm đi ngược chiều



112 – Cấm đi bộ



123 – Cấm rẽ trái

- A. Biển 110a. B. Biển 102. C. Biển 112. D. Biển 123.

Câu 11: (0.25 điểm) Hình vẽ sau có bao nhiêu trục đối xứng?

- A. 1. B. 2. C. 4. D. vô số.



Câu 12: (0.25 điểm) Một tòa nhà có tám tầng được đánh số theo thứ tự là 0 (tầng mặt đất), 1, 2, 3, ..., 7 và ba tầng hầm được đánh số là -1, -2, -3. Một thang máy đang ở tầng -2, nó đi lên 5 tầng. Hỏi thang máy dừng lại ở tầng mấy?

- A. -7. B. -3. C. 5 D. 3.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính

a/ $(-85).5 + 95.(-85)$

b) $272 - 2. \{140 + [(-8)^2 - 9. 2^0] : 5\}$

c/ $5^6 : 5^3 + 2^3.2^2 - |-127| - 18.5$

d/ $(-137) - [(-137 + 82) - 32]$

Câu 2: (0,75 điểm)

a/ Tìm UCLN(120; 400) và BCNN(120; 400)?

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

b/ BCNN(120; 400) gấp UCLN(120; 400) bao nhiêu lần?

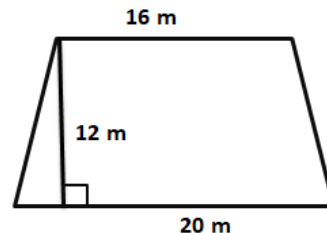
Câu 3: (1,0 điểm) Để khen thưởng học sinh của lớp có thành tích trong học kì I, giáo viên chủ nhiệm cùng phụ huynh học sinh đã chuẩn bị 120 quyển vở và 72 chiếc bút. Số vở và số bút được chia đều cho các phần thưởng. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng?

Câu 4: (0,5 điểm) Một ngày tại Thủ đô Mát-xcơ-va của Liên bang Nga có nhiệt độ là -13°C . Theo dự báo thời tiết ngày hôm sau nhiệt độ tăng thêm là 3°C .

- a) Hỏi nhiệt độ dự báo của ngày hôm sau sẽ là bao nhiêu ?
 b) Trên thực tế nhiệt độ ngày hôm sau lại giảm xuống là 2°C . Hỏi nhiệt độ thực tế ngày hôm sau là bao nhiêu?

Câu 5: (1,0 điểm) Một căn phòng có sàn là hình thang có các kích thước như hình dưới.

- a) Tính diện tích căn phòng
 b) Biết rằng cứ mỗi 4m^2 là người ta xếp được 6 cái ghế để ngồi.
 Hỏi phòng đó có bao nhiêu cái ghế?



Câu 6: (0,75 điểm) Một bạn học sinh điều tra về học lực học kì 1 năm học 2021 – 2022 của 40 em học sinh lớp 6A và ghi lại dưới dạng bảng sau:

GIỎI	GIỎI	KHÁ	YẾU	KHÁ	KHÁ	TB	TB	YẾU	GIỎI
KHÁ	GIỎI	TB	KHÁ	KHÁ	GIỎI	TB	TB	GIỎI	GIỎI
GIỎI	KHÁ	GIỎI	KHÁ	KHÁ	KHÁ	GIỎI	YẾU	KHÁ	GIỎI
GIỎI	GIỎI	KHÁ	KHÁ	KHÁ	KHÁ	GIỎI	KHÁ	GIỎI	KHÁ

- a/ Em hãy giúp bạn lập bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A dưới dạng bảng số liệu.
 b/ Loại học lực nào nhiều nhất trong bảng trên? Chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm so với cả lớp?

Câu 7: (0,5 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A, B sao cho $OA = 4\text{ cm}$, $OB = 8\text{ cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .
 b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? vì sao?

Câu 8: (0,5 điểm) Tìm số tự nhiên n, biết: $3n + 11 \vdots n - 3$

ĐỀ 10. THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH**I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)**

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Cho tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 8. Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

- A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.
 B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.
 C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$.
 D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$.

Câu 2. Số 11 trong hệ La Mã viết là:

- B. IX B. X C. XI D. XIX

Câu 3. Cho $H = \{x \in \mathbb{N} \mid 20 < x \leq 23\}$. Chọn câu trả lời **SAI** ?

- A. $20 \notin H$ B. $21 \in H$ C. $22 \notin H$ D. $23 \in H$

Câu 4. Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.

D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 5. Cho các số 123; 541; 677; 440. Số chia hết cho 2 là

A. 123.

B. 541.

C. 677

D. 440

Câu 6. Tìm tập hợp B(4) ?

A. {1; 2; 4}

B. {1; 4; 8; 12; 16; 20;...}

C. {0; 4; 8; 12; 16; 20}

D. {0; 4; 8; 12; 14; 20;...}

Câu 7. Số nguyên tố là

A. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

B. số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.

C. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.

D. số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

Câu 8. Số chia hết cho 2 thì

A. số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6

B. số đó có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6; 8

C. số đó có tổng các chữ số chia hết cho 2

D. số đó có chữ số tận cùng khác 0; 2; 4; 6; 8

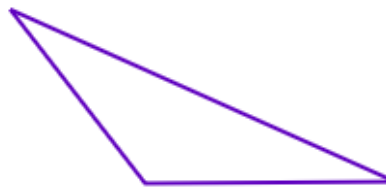
Câu 9. Chọn hình ảnh xuất hiện tam giác đều:



(1)



(2)



(3)



(4)

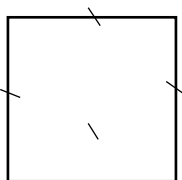
A. Hình (1).

B. Hình (2).

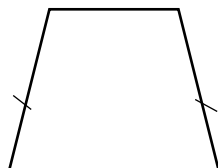
C. Hình (3).

D. Hình (4).

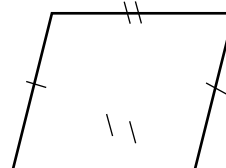
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?



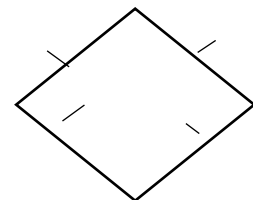
A. Hình 1.



B. Hình 2.



C. Hình 3.



D. Hình 4.

Câu 11: Bảng điều tra về số khách hàng ăn các loại kem yêu thích của một tiệm A trong buổi sáng chủ nhật được ghi dưới đây. . Em hãy thống kê số bạn ưa thích và trả lời câu hỏi bên dưới:

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Loại kem	Kiểm đếm	Số lượng khách
Dâu		
Sầu riêng		
Socola		
Va ni		

Có bao nhiêu khách hàng ăn kem sầu riêng?

- A. 6 B. 4 C. 12 D. 8

Câu 12: Điểm Toán của tổ 1 lớp 6A được cho bởi bảng sau:

Điểm	9	8	7	6	5	4
Số học sinh đạt	6	4	7	3	2	6

Bao nhiêu học sinh đạt điểm 6?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $-26 + 47 - 21$ b) $5^{2023} : 5^{2022} + 4^3 - 75$

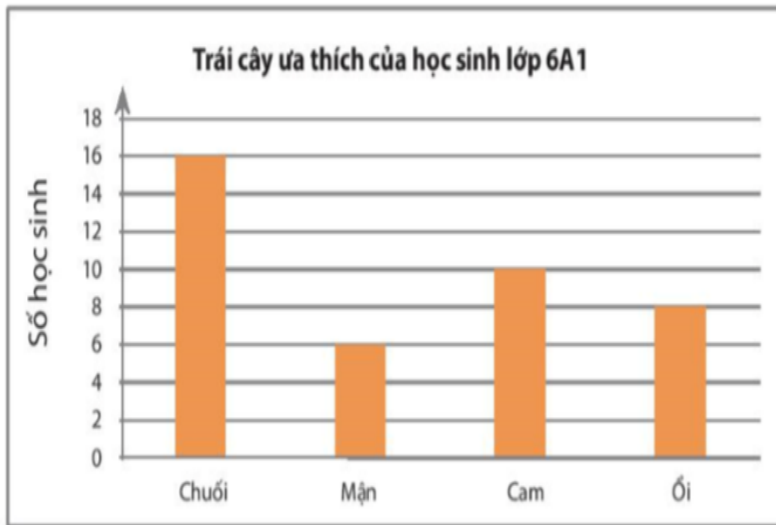
Câu 2: (0,5 điểm) Tìm BCNN(72, 108)

Câu 3: (1,0 điểm) Để giúp đỡ đồng bào miền Trung bị lũ lụt xây dựng lại nhà cửa, một đội thanh niên tình nguyện gồm 56 nam, 24 nữ được chia thành các nhóm sao cho số nam, nữ mỗi nhóm đều bằng nhau. Hỏi cách chia nào để có nhiều nhóm nhất và khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ ?

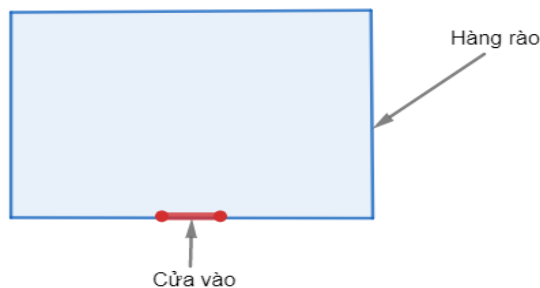
Câu 4: (1 điểm) Bạn An đi nhà sách mua: 5 cây bút bi, 1 quyển sách và 12 quyển tập. Biết giá mỗi cây bút là 4 000 đồng, quyển sách có giá 60 000 đồng và tập giá 8 000đ mỗi quyển. Bạn An mang theo 200 000 đồng. Hỏi An còn lại bao nhiêu tiền ?

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Câu 5: (1 điểm) Hãy đọc thông tin về loại trái cây ưa thích của các bạn học sinh lớp 6A1 trong biểu đồ cột sau đây và lập bảng thống kê tương ứng:



Câu 6: (1 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 40 m và chiều dài là 60m. Người ta muốn làm hàng rào xung quanh vườn bằng hai tầng dây thép gai. Hỏi cần phải dùng bao nhiêu mét dây thép gai để làm hàng rào, biết rằng cửa vào khu vườn rộng 5m?



Câu 7: (2 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3\text{cm}$, $OB = 6\text{cm}$

- Tính độ dài đoạn thẳng AB?
- A có là trung điểm của OB không? Vì sao?
- Vẽ hình vuông ABCD

ĐỀ 11. THCS TRẦN DANH NINH

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3đ):

Câu 1: Cho tập hợp B là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 5. Trong cách viết sau, cách viết nào đúng:

- $B = \{ x \mid x \in \mathbb{N}, x < 5 \}$
- $B = \{ x \mid x \in \mathbb{N}, x \leq 5 \}$
- $B = \{ 0; 1; 2; 3 \}$
- $B = \{ x \mid x \in \mathbb{N}^*, x < 5 \}$

Câu 2: Cho $A = \{ 5, 6, 7, 8 \}$. Hãy chọn câu đúng:

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

- A. $5 \in A$
- B. $15 \in A$
- C. $8 \notin A$
- D. $5 \notin A$

Câu 3: Hãy chọn khẳng định đúng:

- A. Số tự nhiên nào mũ 0 cũng bằng 1.
- B. Số tự nhiên nào mũ 1 cũng bằng 0.
- C. Số tự nhiên nào mũ 1 cũng bằng 1.
- D. Số tự nhiên khác 0 mũ 0 thì bằng 1.

Câu 4: Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

- A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.
- B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.
- C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.
- D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.

Câu 5: Cho các số sau: 180; 2290; 1134; 1885. Số chia hết cho 2 và 5 là:

- A. 180 và 1134
- B. 2290 và 1885
- C. 180 và 2290
- D. 2290 và 1885

Câu 6: Cho $a = \overline{145^*}$. Giá trị nào của * để a chia hết cho 3:

- A. 8
- B. 7
- C. 6
- D. 9

Câu 7: Tìm tập hợp $U(9)$?

- A. $\{0; 9; 18; 27; \dots\}$
- B. $\{0; 3; 6; 9\}$
- C. $\{1; 3; 9\}$
- D. $\{1; 3; 5; 9\}$

Câu 8: Cho $E = 5^2.5^3.2023^0$. Hãy viết kết quả của E dưới dạng 1 lũy thừa:

- A. 3125
- B. 55
- C. 5^5
- D. 1

Câu 9: Đọc biểu đồ tranh và trả lời câu hỏi bên dưới:

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Xã	Số máy cày
Xã A	   
Xã B	  
Xã C	 
Xã D	  
Xã E	  

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

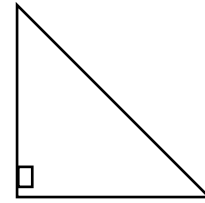
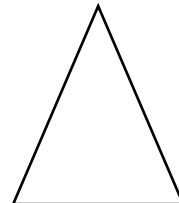
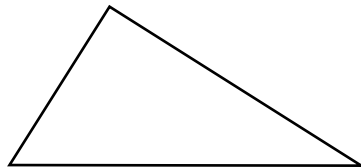
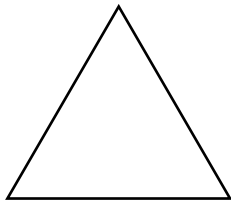
Số máy cày của xã A và E lần lượt là:

- A. 40 và 15
B. 40 và 25
C. 25 và 15
D. 25 và 30

Câu 10: Hình ảnh của đồng hồ lúc 3h thì kim giờ và kim phút hợp nhau một góc bao nhiêu độ?

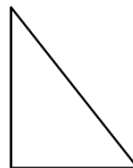
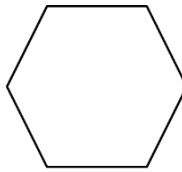
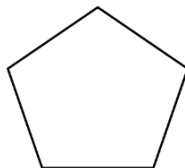
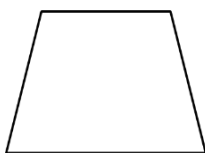
- A. 45^0
B. 90^0
C. 180^0
D. 0^0

Câu 11: Trong các hình sau, hình nào là tam giác vuông ?



- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 12: Trong các hình sau, hình nào là hình lục giác đều:



A

B

C

D

- A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

PHẦN TỰ LUẬN (7đ):

Câu 1: (0,5 đ) Tính nhanh nếu có thể :

$$631 + [587 - (287 + 231)]$$

Câu 2: (0,5đ) Tìm ƯCLN (36; 54)

Câu 3: (1đ) Số học sinh của một trường khi xếp thành 12 hàng ,18 hàng, 21 hàng đều vừa đủ.Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? Biết số học sinh trong khoảng từ 500 đến 600?

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Câu 4:(1đ) Thủy ngân là một kim loại ở thể lỏng trong điều kiện nhiệt độ thông thường. Nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân là -39°C . Nhiệt độ sôi của thủy ngân là 357°C . Tính số độ chênh lệch giữa nhiệt độ sôi và nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân?

Câu 5: (1đ) Cho $A = (1.2.3.4.5.6 + 6930)$

Hỏi A có chia hết cho 2; 3; 5 và 9 không? Vì sao?

Câu 6 (1đ) : Bảng dữ liệu cho biết điểm kiểm tra môn Toán của 10 bạn trong tổ 1 của lớp 6A.

5	6	8	9	8
5	7	6	6	7

Hãy lập bảng thống kê tương ứng?

Câu 7: (1đ) Trên tia Ax lấy điểm B, C sao cho $AB = 4\text{cm}$, $AC = 8\text{cm}$.

a/ Tính BC?

b/ B có là trung điểm của AC không vì sao?

Câu 8: (1đ) Cho tia Ox như hình vẽ. Hãy vẽ tia Oy, và Oz sao cho góc $xOy = 70^{\circ}$, góc $xOz = 110^{\circ}$. Hãy dùng thước đo độ xác định số đo của góc yOz ?

**ĐỀ 12. THCS TÙNG THIÊN VƯƠNG****I. Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)**

Câu 1: Kết quả phép tính: $-268 + 47 - 32 + 53$ là

A. -200 B. 200 C. 336 D. -336

Câu 2: Tìm x biết: $4x + 8 = -28$

A. -5 B. 5 C. -9 D. 9

Câu 3: ƯCLN(40;80;120) là:

A. 10 B. 20 C. 30 D. 40

Câu 4: BCNN(30;60;180) là:

A. 30 B. 60 C. 180 D. 360

Câu 5: Điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của một tổ được ghi lại như sau. Hãy chọn câu đúng:

Tên	An	Bi	Khanh	Vy	Hà	My	Phương	Long	Linh	Thùy
Điểm	7	9	8	9	6	10	5	8	7	10

Dấu hiệu cần tìm là:

- A. Điểm kiểm tra giữa học kỳ I
- B. Số học sinh của một tổ
- C. Điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của một tổ
- D. Số học sinh của một lớp

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

Câu 6: Hãy đọc bảng thống kê xếp loại học lực của học sinh lớp 6A và cho biết lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh ?

Xếp loại học lực	Đạt	Giỏi	Xuất sắc
Số học sinh	13	11	6

A.13

B. 11

C.6

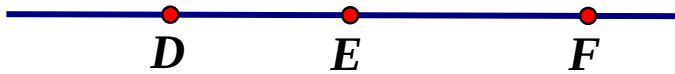
D. 30

Câu 7 Cho hình vẽ sau. Chọn câu đúng:



- A. K, I nằm cùng phía đối với M B. K, I nằm khác phía đối với M
C. K nằm giữa M và I D. I nằm giữa K và M

Câu 8 Cho hình sau. Có mấy đoạn thẳng trong hình?



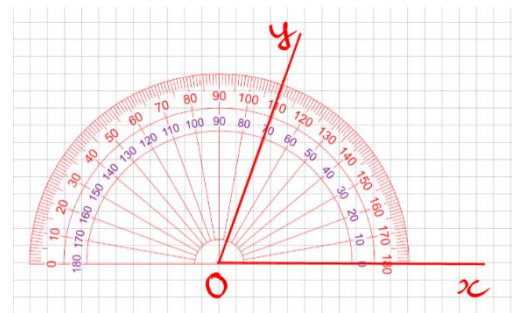
A. 1 B. 2

C. 4

D. 3

Câu 9 Góc xOy (hình vẽ) có số đo bằng:

- A. 60°
B. 70°
C. 110°
D. 80°



Câu 10 Kim giờ và kim phút tạo ra 1 góc bằng:

- A. 50°
B. 180°
C. 90°
D. 60°

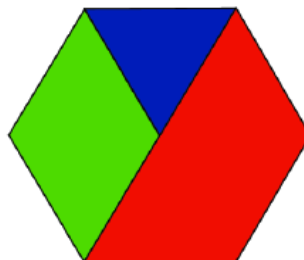


Câu 11.. Hình có 4 cạnh bằng nhau là:

- A. Hình vuông B. Hình thang C. Hình thoi D. Hình thoi và hình

vuông

Câu 12: Trong hình dưới đây gồm các hình nào?



- A. Hình thang cân, hình thoi, tam giác đều

ĐỀ THAM KHẢO KT HỌC KÌ 1 TOÁN 6 QUẬN 8 – NH 2022-2023

- B. Hình thoi, hình thang cân, lục giác đều
C. Tam giác đều, hình thang cân, hình bình hành
D. Hình thoi, hình thang cân, tam giác đều, lục giác đều

II. Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm) Thực hiện phép tính:

$$(-90) + 75 + (-10) + 125$$

Câu 2 (0,5 điểm) Tìm: ƯCLN(24; 36; 80)

Câu 3 (1 điểm) Trong một buổi sinh hoạt dưới cờ học sinh khối 6 của một trường nếu xếp hàng 8, hàng 12, hàng 18 đều vừa đủ hàng. Biết rằng số HS khối 6 của trường trong khoảng từ 400 đến 450 học sinh. Tính số học sinh khối 6 của trường đó.

Câu 4 (1 điểm) Thư viện trường cấp hai có 8 dãy chứa sách, mỗi dãy có 5 kệ sách, mỗi kệ có 50 quyển.

a) Hỏi thư viện trường có bao nhiêu quyển sách?

b) Để có số sách trên trường đã vận động quyên góp từ học sinh, biết mỗi học sinh góp 2 quyển. Hỏi có bao nhiêu học sinh đã quyên góp sách cho nhà trường?

Câu 5 (1 điểm) Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường

Đi bộ	   
Xe đạp	    
Xe máy (ba mẹ chở)	   
Phương tiện khác	

(Mỗi  ứng với 1 học sinh)

a) Có bao nhiêu học sinh đến trường bằng xe đạp?

b) Tổ 1 lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Câu 6 (1 điểm) Cho $S = 7 + 7^2 + 7^3 + 7^4 + \dots + 7^{2022}$. Chứng tỏ $S : 8$

Câu 7 (2 điểm) Vẽ đoạn thẳng $AB = 8\text{cm}$, lấy C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = 3\text{cm}$.

- a) Tính BC
b) Vẽ D, E lần lượt là trung điểm của AC và BC . Tính DE
c) Trên tia CB lấy điểm M sao cho $EM = 5\text{cm}$. Chứng tỏ B là trung điểm của EM .